

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG MẦM NON TÂN ĐỊNH

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2019 - 2020

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Nhà trường đảm bảo đầy đủ và đúng tiêu chuẩn các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo yêu cầu Điều lệ trường MN qui định.	Nhà trường đảm bảo đầy đủ và đúng tiêu chuẩn các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo yêu cầu Điều lệ trường MN qui định.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- 100% các nhóm 24 - 36 tháng thực hiện chương trình GDMN (Ban hành kèm thông tư 17/2009/TT-BGDĐT - Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non).	100% các lớp Mẫu giáo thực hiện chương trình GDMN (Ban hành kèm thông tư 17/2009/TT-BGDĐT - Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non).
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Trẻ thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp cũng như vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu. - Trẻ có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt. - Trẻ thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe. - Trẻ nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn - Trẻ khám phá thế	- Trẻ thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp cũng như vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động. - Trẻ biết được một số món ăn thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe. - Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt - Có một số hành vi và thói quen tốt

		giới xung quanh bằng các giác quan - Trẻ thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi. - Nghe, hiểu lời nói. Biết nhắc lại các âm, các tiếng, các câu và biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp. - Trẻ biết biểu lộ sự nhận thức về bản thân. Biết biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện hành vi xã hội đơn giản. - Trẻ thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc; tô, vẽ, nặn, xếp hình...	trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe. - Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh. - Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng. - Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản. - Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau. - Nhận biết số đếm, số lượng. Biết sắp xếp theo quy tắc; so sánh 2 đối tượng; Nhận biết hình dạng; Nhận biết vị trí trong không gian, định hướng trong thời gian. - Nhận biết bản thân, gia đình trường, lớp và cộng đồng. - Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống địa phương; Một số lễ hội và danh lam thắng cảnh. - Nghe hiểu lời nói; Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày. - Làm quen với việc đọc - viết - Thể hiện ý thức về bản thân; Sự tự tin, tự lực. - Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng
--	--	---	--

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2019 - 2020

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	244			40	61	72	71
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	244			40	61	72	71
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở	244			40	61	72	71
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	244			40	61	72	71
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	244			40	61	72	71
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	244			40	61	72	71
1	Số trẻ cân nặng bình thường	223			37	57	66	63
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	2			2	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	244			40	61	72	71
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0			0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân	07			0	1	2	4
8	Số trẻ em béo phì	12			1	3	4	4
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	244			40	61	72	71
1	Chương trình giáo dục Nhà trẻ	40			40			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	204				61	72	71

Quận 1, ngày 12 tháng 9 năm 2019

TRƯỜNG MẦM NON TÂN ĐỊNH
Trần Thị Trang

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2019 - 2020

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	24	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	10	-
1	Phòng học kiên cố	10	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3.604m ²	13.3m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	701.55m ²	2.6m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	46m ²	1.7m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	12.6m ²	0.45m ² /trẻ
4	Diện tích sân chơi (m ²)	58.7m ²	0.22m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	55.5m ² Điểm 26 97.5m ² Điểm 85	0.56m ² /trẻ
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	63.2m ² Điểm 26 42.5m ² Điểm 85	0.39m ² /trẻ
7	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	89.08m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	10	10 bộ/10 lớp
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	10	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		10/02 sân trường
VIII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	12	10 máy vi tính, 1 máy chiếu, 1 bảng tương tác
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	10	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	4	
3	Máy phô tô	1	
5	Catsset	0	
6	Đầu Video/đầu đĩa	10	
7	Thiết bị khác	0	
8	Đồ chơi ngoài trời	10	
9	Bàn ghế đúng quy cách	135 bộ	
10	Thiết bị khác...	0	

X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	10	11		0.45m ² /trẻ	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(Theo Quyết định số 14/2008/QĐ_BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XV	Tường rào xây	X	

Quận 1, ngày 12 tháng 9 năm 2019



 Trần Thị Trang

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày
28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG MẦM NON TÂN ĐỊNH

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2019 - 2020**

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	XS	Khá	TB	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	39		1	11	11	03	13	4	10	10				
I	Giáo viên	23													
1	Nhà trẻ	4			1	3						1	3		
2	Mẫu giáo	19			8	8	3					12	4		
II	CBQL	3													
1	Hiệu trưởng	1		1								1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2							2			
III	Nhân viên	16													
1	Nhân viên văn thư	1					1					1			
2	Nhân viên kế toán														
3	Thủ quỹ	1					1								
4	Nhân viên Y tế														
5	Nhân viên phục vụ	4						4				2	2		
6	Nhân viên Nuôi dưỡng	2						2					2		
7	Nhân viên bảo vệ	3						3				1	2		

8	Nhân viên cấp dưỡng	5						5				4	1		
---	------------------------	---	--	--	--	--	--	---	--	--	--	---	---	--	--

Quận 1, ngày 12 tháng 9 năm 2019

